TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2018
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hằng

Ông K'Dung

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đông T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày: Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau vào tháng 10/2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/10/2003. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng tám năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T

thường xuyên uống rượu không lo làm ăn thậm chí còn xúc phạm cả bố mẹ chị nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Khi xảy ra mâu thuẫn chị T có báo cho ban nhân dân thôn đến để hòa giải nhưng anh T không hợp tác và không đến tham gia hòa giải. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn. Về con chung chị T xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 05/10/2004, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 27/12/2006, Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 14/4/2014. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho cả ba cháu là 1.500.000đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra chị T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, … nhưng anh T đều không có văn bản trình bày cụ thể ý kiến của mình gởi cho Tòa án và đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập. Qua xác minh người thân của anh T thì được biết anh T đều nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt và biết ngày giờ đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến. Đồng thời người thân của anh T cũng cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị T phát sinh là do anh T không chịu khó làm ăn mà thường hay uống rượu, không có trách nhiệm với vợ con. Gia đình và địa phương cũng đã động viên hòa giải nhưng anh T không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân gần hai năm nay.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị T. Về con chung: Giao cả ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 05/10/2004, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 27/12/2006, Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 14/4/2014 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục anh Nguyễn Quang T phải cấp dưỡng nuôi con cho cả ba cháu là 1.500.000đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quang T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Quang T xây dựng gia đình với nhau vào tháng 10/2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/10/2003. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị T làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai. Xét thấy,vợ chồng chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường hay uống rượu, đánh bạc, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường hay cãi nhau, thậm chí xúc phạm đến lòng tự trọng của đôi bên khiến cho mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Đã nhiều lần chị T tạo cơ hội cho anh T sửa chữa khuyết điểm nhưng không được nên anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc nhau. Mặt khác, anh T cũng không có thiện chí để cải thiện quan hệ hôn nhân này, cụ thể trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Quang T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Quang T có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 05/10/2004, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 27/12/2006, Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 14/4/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Đoàn Thị T đề nghị được nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cả ba con là 1.500.000đồng/tháng. Xét thấy cháu Nguyễn Thị Ngọc A và cháu Nguyễn Thị Ngọc L hiện nay đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Nguyễn Thị Ngọc C còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, các cháu đều là con gái, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay các cháu vẫn sống ổn định với chị T, có sự giúp đỡ của ông bà ngoại trong việc chăm sóc các cháu. Đồng thời

Tòa án đã tiến hành xác minh thì người thân của anh T cũng cho biết anh T thường hay vắng nhà, không quan tâm đến vợ con. Vì vậy, căn cứ Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, giao cả ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 05/10/2004, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 27/12/2006, Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 14/4/2014 cho chị Đoàn Thị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Buộc anh Nguyễn Quang T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho cả ba cháu là 1.500.000đồng/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thanh.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T xác định hiện nay vợ chồng không còn tài sản chung do đã bán hết vào năm 2014 và chuyển về sống với bố mẹ chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, về nợ chung chị T xác định không có. Còn anh Nguyễn Quang T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung trong vụ án này Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đoàn Thị T, xử cho chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Quang T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao các con là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 05/10/2004; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 27/12/2006 và Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 14/4/2014 cho chị Đoàn Thị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Anh Nguyễn Quang T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho cả ba cháu với số tiền 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cả ba cháu đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đoàn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000588 ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Đoàn Thị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Báo cho chị Đoàn Thị T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2018). Riêng anh Nguyễn Quang T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã Đ;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy